

Nguyễn Công Trứ với vấn đề phòng thủ và tinh thần kháng Pháp giữa thế kỷ XIX

Nguyễn Mạnh Dũng^(*)

Tóm tắt: Từ cuối thế kỷ XVIII, nền văn hóa, kinh tế, xã hội của Việt Nam đã chứng kiến những chuyển biến quan trọng. Trong bối cảnh đó, Nguyễn Công Trứ là nhân vật kết tinh của một trạng thái ý thức của thời đại. Với hoạt động hết sức đa dạng, phong phú, Nguyễn Công Trứ đã để lại nhiều di sản trên các lĩnh vực như kinh tế, nghệ thuật, văn học, thơ ca, quân sự, khoa học kỹ thuật... Bài viết luận giải thêm bối cảnh thời đại, vấn đề phòng thủ Đà Nẵng và tinh thần kháng Pháp của Nguyễn Công Trứ.

Từ khóa: Nguyễn Công Trứ, Lịch sử, Văn hóa, Thế kỷ XIX, Việt Nam

Adstract: From the end of the 18th century, Vietnam's economy, society and culture experienced important changes. Under such context, Nguyen Cong Tru is a man who represented a state of consciousness of the era. He left a great legacy in a wide range of fields including economics, arts, literature, poetry, military, science and technology. The paper further explains the context of the era, the issue of Da Nang defence and Nguyen's spirit of French resistance.

Keywords: Nguyen Cong Tru, History, Culture, 19th Century, Vietnam

Mở đầu

Trong quá trình chuyển giao từ cuối thế kỷ XVIII đến đầu thế kỷ XIX ở Việt Nam, các nhân vật lịch sử lớn đều được nhìn nhận dưới nhiều góc độ và nhiều quan điểm nhận xét, bình luận, đánh giá, như dưới góc độ văn hóa tinh thần, văn hóa vô thể thông qua trước tác và văn hóa hữu thể thông qua những hành động và kết quả cụ thể¹. Trong các mẫu hình đó, Nguyễn Công Trứ là một

trong những nhân vật lịch sử đặc biệt và điển hình.

Các nghiên cứu về Nguyễn Công Trứ đã tập trung làm nổi bật hai đặc điểm tiêu biểu: Nhà nho tài tử và nhà thơ ca tài danh. Điểm nổi bật là Nguyễn Công Trứ hoạt động rất đa dạng, phong phú, để lại nhiều di sản trên các lĩnh vực như kinh tế, nghệ thuật, văn học, thơ ca, quân sự, khoa học kỹ thuật... Là một nhà nho tài tử, Nguyễn Công Trứ thể hiện nhiều điểm “dị” mà theo lý luận của Thomas Samuel Kuhn là các “dị thường” trong khung mẫu (*paradigm*) nhất định (Kuhn, 1962). Các nhà nghiên cứu cũng chỉ ra các dị thường của Nguyễn

^(*) PGS.TS., Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội;
Email: nmd.uss@gmail.com

¹ Có thể định lượng được.

Công Trứ trên cả hai phương diện, nhưng trên hết, những tư tưởng, hành động và việc làm cho thấy ông là một người nhiệt huyết, năng nổ, đầy “sức sống”.

1. Nguyễn Công Trứ trong bối cảnh thời đại

Việt Nam từ cuối thế kỷ XVIII chứng kiến những chuyển biến quan trọng về văn hóa, kinh tế, xã hội: (i) Sự phát triển mạnh mẽ của mối quan hệ hàng hóa, tiền tệ đã làm rạn nứt cơ cấu xã hội cũ; (ii) Các tầng lớp mới với nhu cầu tinh thần mới xuất hiện; (iii) Quy mô đô thị, đời sống thị dân phát triển, sức mạnh của đồng tiền tạo ra những xáo trộn trong tâm thức và hệ giá trị; (iv) Xã hội vừa có sự phân hóa, vừa giao lưu, dẫn đến hiện tượng xung đột, cạnh tranh, đan xen và hỗn dung. Trong đó, nếu nhìn rộng ra, nhiều thú chơi đã trở nên phổ biến của giới nho sĩ từ thế kỷ XVIII là một chỉ dấu của trí thức, kẻ sĩ. Sang thế kỷ XIX, không ít người hoài niệm về nền văn hóa phi chính thống đời thường, thậm chí đơm nhân sinh quan dân gian, tâm tư của con người “thời Lê mạt”.

Bối cảnh xã hội chuyển giao, đan xen thuận nghịch đã sản sinh ra nhiều tuýp (*type*) nhân vật trong tâm tư và hành động. Đó là nhóm hợp tác với Tây Sơn, nhóm chủ trương phò Lê (trong đó có Nguyễn Công Tấn - thân phụ Nguyễn Công Trứ), nhóm hướng về phương Nam chờ đợi vận mệnh mới... Tất nhiên nhóm nào cũng có lập luận của mình như “cương thường rối loạn, vua chỉ ôm cái hư danh”, hay “trung thần bất sự nhị quân”, “đời trước chúa Nguyễn người đều trung nghĩa, con cháu sau này ắt có lúc nổi khá” (Lê Thước, 1928)... Về hành vi, có người mạnh dạn quả quyết nhảy vào hành động, có nhóm đào ẩn, đánh lại Trịnh, giúp Tây Sơn rồi chống lại Tây Sơn, phò vua Lê...

Các nho sĩ thời quân chủ thường có xu hướng khá tách/khác biệt giữa hiện thực

hoạt động, việc làm với tư tưởng, tâm tư, tình cảm. Họ thường gửi gắm tình cảm, mong ước, nỗi niềm, thậm chí là phản ứng, bức xúc trong các tác phẩm thơ văn của mình. Trong những mẫu hình nhân vật, kẻ sĩ có tài xuất chúng, đối với người “sắc cạnh”, “đột xuất” (Nguyễn Tài Thư, 1978: 42), họ luôn có cái nhìn khác (*đi*) có thể đúng, sai, với điểm tham chiếu chính là thời gian, thực tiễn, sự so sánh hay phán xét của hậu thế. Nguyễn Công Trứ là một trong số đó.

Nguyễn Công Trứ - 阮公著 (1778-1858), tự Tồn Chất, hiệu Ngộ Trai, biệt hiệu Hy Văn, người làng Uy Viễn, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, sinh ra trong gia đình nền nếp Nho gia (Tổng Nho) và đạo đức; thiếu thời nổi tiếng thông minh, hay chữ, lanh lợi, cá tính, sức khỏe bền bỉ, dẻo dai, “phóng túng, không câu nệ, có khí tiết”... (Quốc sử quán triều Nguyễn, nhậ tập, 2005: 426). Dưới góc độ tâm lý học hành vi và y học, khí chất của Nguyễn Công Trứ thuộc kiểu linh hoạt với cấu tạo thần kinh là ức chế cao, hưng phấn cao... (Nguyễn Phạm Hùng, 2018: 138).

Từ nhỏ, Nguyễn Công Trứ nổi tiếng hiếu học, đọc nhiều và sớm thể hiện là một người ứng đối tài giỏi, nổi tiếng khắp vùng. Ngoài Tứ thư, Ngũ kinh, Nguyễn Công Trứ đọc địa lý, phù thủy, bói đa hạc, binh thư, binh pháp: “*Kinh luân khởi tâm thượng, binh giáp tàng hung trung*”... Cha ông cũng từng tham gia việc quân với chức tham tán quân vụ trấn Sơn Nam. Cuộc đời Nguyễn Công Trứ là cuộc đời của một người say mê hoạt động: “*Đã mang tiếng ở trong trời đất/ Phải có danh gì với núi sông*” (Đoàn Tử Huyền, 2008: 55).

Học tài, thi phận, con đường khoa cử của ông khá lận đận, mãi đến năm 41 tuổi (1819) Nguyễn Công Trứ mới đậu Giải

nguyên (đỗ đầu thi Hương) và được bổ làm quan. Từng trải và có vốn sống, lại lớn lên nhọc nhằn trong cảnh cơ cực từ nhỏ nên việc hòa nhập nhanh với quan trường là điều dễ nhận thấy ở ông. Nguyễn Công Trứ từng trải qua nhiều chức vụ, quan lộ “*Khi Thủ khoa, khi Tham tán, khi Tổng đốc Đông/ Gồm thao lược đã nên tay ngất ngưỡng/ Lúc bình Tây cầm cờ Đại tướng/ Có khi về Phủ doãn Thừa Thiên*” (Đoàn Tử Huyền, 2008: 142), cụ thể: Hành tâu Quốc sử quán, Biên tu Quốc sử quán, Tri huyện huyện Đường Hào, Lang trung Bộ Lại, Thự Tư nghiệp Quốc tử giám, Thiêm sự Bộ Hình, Phủ thừa Thừa Thiên, Hành tào Bắc Thành, Tả Thị lang Bộ Hình, Hữu Thị lang Bộ Lễ, Toàn tu Quốc Sử quán, Dinh điền sứ, Thự hữu tham tri Bộ Hình, Tri huyện Kinh huyện, Thự Lang trung Nội vụ phủ, Bồi chính Hải Dương, Thự Tổng đốc Hải Yên, Tham tán quân vụ, Tạm quyền Án sát Quảng Ngãi, Chủ khảo trường thi... (Nguyễn Hữu Tâm, 2018: 155-167). Thời gian tại nhiệm và luân chuyển nhìn chung không dài.

Quan lộ thăng giáng, từng là Tổng đốc, Thượng thư nhưng cũng có khi bị giáng làm lính (1843), một lần bị kêu án “trảm giam hậu” (1841)..., đến cuối sự nghiệp làm quan Nguyễn Công Trứ về hưu với hàm Thừa Thiên Phủ doãn (Tam phẩm). Như vậy dung sai quan lộ là rất lớn (nhất là trong giai đoạn 1831-1842), điều này có thể là hợp lý với tính cách cũng như thời đại của ông.

Năm 1847, ở tuổi 70, Nguyễn Công Trứ xin về hưu nhưng Vua Thiệu Trị không chấp nhận. Đến năm 1848, dưới thời Vua Tự Đức, ông mới được toại nguyện. Thế nhưng, đến năm Mậu Ngọ (1858), khi thực dân Pháp nổ súng tấn công Đà Nẵng, tuy đã 80 tuổi, ông vẫn tha thiết xin Vua Tự Đức được tòng quân đi đánh giặc. Tuy nhiên

do ông tuổi đã già sức yếu nên Vua không chuẩn y.

Trải qua ba đời vua Minh Mệnh, Thiệu Trị và Tự Đức, Nguyễn Công Trứ không chỉ nổi tiếng là vị quan thanh liêm, chính trực, tài trí hơn người ở các triều này mà còn là nhà thơ lỗi lạc, có vị trí đáng kể trong văn học Việt Nam, tác giả của nhiều bài ca trù nổi tiếng và là nhân vật chính của hàng trăm giai thoại “ngông thâu trời xanh”.

2. Nguyễn Công Trứ với vấn đề phòng thủ và tinh thần kháng Pháp

2.1. Về xây dựng hệ thống phòng thủ

Năm 1803, khi còn thư sinh, Nguyễn Công Trứ đã dâng kế sách lên Vua Gia Long khi đó đang trú tại hành cung Nghệ An. Sử sách không chép nhiều về sự kiện này, chỉ biết rằng Vua Gia Long xem rồi giao cho Bộ Lại duyệt kỹ để tâu (Quốc sử quán triều Nguyễn, tập 1, 2002: 570). Gia phả họ Nguyễn chép: ông dâng “Thái bình thập sách” vào thời gian ông làm quan dưới triều Minh Mệnh.

Trong quá trình tăng cường thiết chế trung ương tập quyền, sau khi lên ngôi, Vua Minh Mệnh dần cô lập các trọng thần người Pháp, trấn áp vụ phản loạn liên quan đến đạo Kitô, chủ động điều phối giao lưu văn hóa, chính trị với phương Tây. Cuộc chiến tranh Nha phiến ở Trung Quốc nổ ra khiến vị vua thứ hai triều Nguyễn phải trực tiếp đối diện với hai vấn đề, đó là: chiến lược ứng phó với phương Tây và vấn đề cải cách/canh tân đất nước (Nguyễn Mạnh Dũng, 2018).

Những diễn biến chính trị ở khu vực, nhất là thông tin nước Anh can thiệp quân sự vào Trung Quốc, âm mưu mở rộng chính sách thực dân của các nước châu Âu khiến Vua Minh Mệnh đẩy mạnh việc phòng vệ đất nước. Năm Minh Mệnh thứ 21, mùa Thu tháng 7 (1840), khi xem việc phòng bị

ở vụng Trà Sơn, pháo đài Phòng Hải, Vua sai Nguyễn Công Trứ (lúc này đang là Hữu tham tri Bộ Công) - người được xem là “văn võ song toàn” có tầm nhìn chiến lược - đi xem xét “chỗ các thuyền lớn bọc đồng chứa đạn. Nếu dùng để đánh trận nên đặt thêm mấy cỗ súng, bao nhiêu lính cho đủ. Lại xem chỗ đỗ thuyền cách bờ gần xa thế nào; một dải núi ven bờ biển, chỗ nào xung yếu mà địa thế hơi bằng phẳng nên đặt pháo đài, để trên bờ dưới thuyền ứng với nhau được, thì vẽ bản đồ dâng lên” (Quốc sử quán triều Nguyễn, tập 5, 2007: 757, 758).

Sau khi kiểm tra toàn bộ hệ thống phòng thủ, Nguyễn Công Trứ dâng lên Vua một bản tấu trình phân tích cụ thể vai trò quan trọng của cửa biển Đà Nẵng cũng như tình hình phòng thủ tại đây và đưa ra các đề nghị như sau (Quốc sử quán triều Nguyễn, tập 5, 2007: 757-758):

- Về thuyền hiệu: các thuyền hiệu Thụy Long, Phấn Bàng, Thanh Loan, mỗi thuyền phải có đủ 100 binh lính thủ hộ, 10 cỗ súng quá sơn, 100 súng điều thương, 15 cây giáo dài.

- Về pháo đài: đảo Mỏ Diều ở vụng Trà Sơn, đối diện với pháo đài Định Hải có thể nương tựa được với nhau. Xây thêm pháo đài hình bầu dục (dài 57 trượng, ngang 7 trượng). Đặt lầu trông ngắm ở đài đốt lửa cũ tại núi Trà Sơn, chế cấp cờ hiệu.

- Về nhân sự: những viên thủ hộ ở hai thành An Hải, Điện Hải và pháo đài Định Hải phần nhiều lười biếng.

- Về vũ khí: pháo quan ở Kinh đến để sửa, kiểm soát những cỗ súng bị gián hoặc mòn mẻ, đặt thêm binh lính đóng giữ.

Nhà vua rất hài lòng về bản tấu trình, chuẩn y tất cả đề nghị của Nguyễn Công Trứ như cho xây pháo đài mới (Phong Hải), phạt trượng hoặc quở trách lãnh binh, Thành thủ úy,... Công việc phòng vệ bờ

biên tiếp tục được nhà vua chỉ đạo và triển khai rất cụ thể (Quốc sử quán triều Nguyễn, tập 5, 2007: 757, 758).

Như vậy, với địa thế Đà Nẵng và miền Trung, việc tiến hành xây dựng các thành lũy, hệ thống phòng thủ dày đặc là phương cách tối ưu cho những cuộc thâm nhập bằng hải quân. Mặc dù cuộc kháng chiến chống Pháp ở Đà Nẵng sau này còn bọc lố nhiều hạn chế, nhưng quá trình phòng ngự duyên hải thời kỳ Nguyễn Công Trứ được đánh giá là công phu, hệ thống và khá hoàn bị. Trong các đồn, trang bị pháo binh của Việt Nam rất hoàn chỉnh và tốt hơn nhiều so với những gì người Pháp thấy ở Trung Hoa. Pháo đài phía Tây gồm 1 xưởng pháo binh lục chiến, những đại bác bằng đồng cỡ 6 và 9, giá súng đặt trên những bánh xe cao, rất phù hợp với đường sá gồ ghề của xứ sở này (Nguyễn Phan Quang, 1999: 367-368).

Có thể nói, nho tướng Nguyễn Công Trứ không những có nhiều kinh nghiệm trong các địa hình, quy mô, loại hình chiến đấu¹, giữa tấn công và phòng ngự, giữa đánh nhanh với dai dẳng, chỉ huy nhiều thứ quân (Văn Lang, 1978) mà còn có cả kinh nghiệm quản lý vĩ mô cũng như cấp quản lý với các đơn vị cụ thể (Thừa Thiên, Hải Yên...), an ninh, tư pháp, giám sát, tham mưu, quân sự (ở Bộ Binh, Bộ Hình, Án sát...) và việc khai khẩn đất hoang (kiêm chức và chuyên trách), phạm vi khá rộng từ Hà Nội, Thái Bình, Ninh Bình, Thái Nguyên, Hải Yên (Hải Dương và Quảng Yên), Tuyên Quang đến Thừa Thiên, Quảng Ngãi, An Giang...

2.2. Về tinh thần kháng Pháp

Nguyễn Công Trứ là một vị tướng năng động, ưa phiêu lưu, khám phá, nhiều lần

¹ Hay như chiến thuật “tâm công” qua bài “Gánh gạo đưa chồng” khích lệ tướng sĩ ba quân... (Xem thêm: Doãn Quốc Sỹ - Việt Từ, 1960).

“xông ra” gánh vác việc nước. Tuy nhiên, nhiều nhà nghiên cứu chỉ ra, trong đa số trường hợp, ông thường chỉ có thời gian ngắn ngủi chuẩn bị cho trọng trách, thậm chí có trường hợp bất ngờ, đột ngột.

Nguyễn Công Trứ xuất thân quan văn, giỏi chữ nghĩa, thiên kinh vạn quyển nhưng lại thành công ở nghiệp võ quan. Mặt khác, ông liên tục đưa ra các bản tấu, kiến nghị phân tích và nêu hướng giải quyết vấn đề cụ thể của đất nước trong nửa đầu thế kỷ XIX. Chẳng hạn, năm 1827 ông được Vua Minh Mệnh cho phép có bản tấu nào đều được niêm phong gửi thẳng lên Vua...

Số liệu thống kê gần 40 bản tấu của Nguyễn Công Trứ dâng lên nhà vua và triều đình được dẫn trong *Đại Nam thực lục* (chính biên) cho thấy tri thức, sự am hiểu cũng như việc bàn luận của ông về quân vụ là nhiều nhất. Từ ý nghĩa đó một số nhà nghiên cứu xem xét đến “*hệ tư tưởng*” quân sự của Uy Viễn tướng quân.

Như đã trình bày, hơn 15 năm trước khi Pháp tấn công Việt Nam, Nho tướng Nguyễn Công Trứ đã có tấu trình về hệ thống phòng thủ ở Quảng Nam, Đà Nẵng và được Vua Minh Mệnh “khen”. Sau khi Pháp nổ súng tấn công Đà Nẵng đầu tháng 9/1858, cùng với không khí sôi sục của cả nước hướng về mặt trận Đà Nẵng, Nguyễn Công Trứ (lúc đó 80 tuổi) cũng dâng biểu xin ra chiến trường. Có lẽ do tin vào những hiểu biết của mình về việc phòng thủ Đà Nẵng, cộng thêm chí khí của một “kẻ sĩ”, một chút “ngông”, ông đã dâng sớ xin Vua Tự Đức cho phép lên đường ra mặt trận Đà Nẵng nhưng nhà vua “miễn cho”.

Từ thái độ xin tòng quân kháng Pháp tại mặt trận Đà Nẵng của Nguyễn Công Trứ, có thể thấy:

- Đất nước loạn lạc, sĩ phu hữu trách, nặng chữ “quân thân”, “trinh trung báo

quốc”, “vì dân vì nước” - quan niệm đó cũng đã khắc sâu tâm khảm của Nguyễn Công Trứ.

- Sự hội tụ và chuyển vùng văn hóa từ Thăng Long-Hà Nội, xứ Đông, xứ Nam, Nghệ-Tĩnh, xứ Thần Kinh, vùng đất Thuận Hóa xưa (xứ Quảng)... đã hợp thành trong Nguyễn Công Trứ sự kết hợp giữa cái phóng khoáng, cởi mở, truyền thống và sự năng động, mang phẩm chất quan lại, hoài bão lớn. Người Nghệ-Tĩnh xuất thân từ khoa bảng cũng có sự tham chính đông đảo.

3. Thay lời kết

Thế kỷ XVIII chứng kiến bộ phận nho sĩ với tinh thần khai mở đã tìm cách thoát khỏi sự ràng buộc của những định chế và hệ tư tưởng giáo điều, thủ cựu. Có thể nói, Nguyễn Công Trứ đã trải qua cảnh hàn vi, thời đại của kim tiền, của xã hội với thói chơi bời hát xướng, hưởng thụ, tranh lợi. Tuổi thanh xuân gắn liền với thời loạn lạc, chiến tranh Tây Sơn - Nguyễn, Nguyễn Công Trứ đã vẫy vùng cho phỉ chí thời tao loạn, hưởng lạc theo bản năng thời loạn và tuổi trẻ, tu thân đợi thời theo gương cha và nếp nhà; giai đoạn trưởng thành ở vào thời Gia Long, Minh Mệnh, ông phụng sự cho triều đình qua con đường khoa cử; và Nguyễn Công Trứ ở vào giai đoạn thoái trào dưới thời Thiệu Trị, Tự Đức.

Sau khi đỗ đạt, Nguyễn Công Trứ muốn xây nghiệp lớn ở nhiều lĩnh vực “sĩ u bách nghệ”, nhưng cũng muốn hành lạc để đền bù những vất vả cực nhọc; nhiều lúc chán nản danh lợi hay bất mãn, ông tìm đến thú vui, quên thế sự... Nguyễn Công Trứ thành công trong các lĩnh vực nhờ sự học nhưng phần lớn do tài năng thiên bẩm, tinh thần sáng tạo không ngừng, xông pha không quản hiểm nguy.

Thực tế là nhiều trí thức thời đó đã góp phần tạo dựng vị thế của Việt Nam với tư

cách là một cường quốc ở Đông Nam Á đầu thế kỷ XIX. Tuy vậy, chiến thắng của đoàn quân viễn chinh Pháp là ưu thắng của một nền công nghiệp, khoa học, kỹ thuật tiên tiến trước nền văn minh nông nghiệp. Bối cảnh chính trị, kinh tế - xã hội đầu thế kỷ XIX đã khác biệt quá nhiều so với “khung mẫu” xã hội thời Lê Thánh Tông. Thời đại mới đòi hỏi một thể chế trí thức mới phù hợp với tình hình địa chính trị, khoa học, kỹ thuật, quân sự và những thay đổi của kinh tế, xã hội □

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Mạnh Dũng (2018), “Việt Nam đối diện với cuộc viễn chinh của Pháp năm 1858: Hệ luận về khoa học-kỹ thuật và thực tiễn đất nước”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 8 (508).
2. Nguyễn Phạm Hùng (2018), “Con người công dân và con người cá nhân Nguyễn Công Trứ”, in trong Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia *Nguyễn Công Trứ với lịch sử, văn hóa Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX*, Hà Tĩnh, tháng 11.
3. Đoàn Tử Huyền (chủ biên, 2008), *Nguyễn Công Trứ trong dòng lịch sử*, Nxb. Nghệ An và Trung tâm văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội.
4. Kuhn, Thomas Samuel (1962), *The Structure of Scientific Revolutions*, bản dịch tiếng Việt: *Cấu trúc các cuộc cách mạng khoa học*, Chu Lan Đình dịch (2008), Nxb. Tri thức, Hà Nội.
5. Văn Lang (1978), “Về binh nghiệp của Nguyễn Công Trứ”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 182.
6. Nguyễn Phan Quang (1999), *Việt Nam thế kỷ XIX: 1802-1884*, Nxb. Tp Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
7. Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
8. Quốc sử quán triều Nguyễn (2005), *Đại Nam liệt truyện*, chính biên, nhị tập, quyển 20, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
9. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, tập 5, tập 6, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
10. Doãn Quốc Sỹ - Việt Tử (1960), *Khảo luận về Nguyễn Công Trứ*, Nxb. Sơn Nam, Sài Gòn.
11. Nguyễn Hữu Tâm (2018), “Cuộc đời làm quan của Nguyễn Công Trứ”, in trong Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia *Nguyễn Công Trứ với lịch sử, văn hóa Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX*, Hà Tĩnh, tháng 11.
12. Nguyễn Tài Thư (1978), “Nguyễn Công Trứ - Con người Nho sĩ”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 182.
13. Lê Thước (1928), *Sự nghiệp và thi văn của Uy Viễn tướng công Nguyễn Công Trứ*, Imprimerie Lê Văn Tân.